

**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Mã số doanh nghiệp: 0100114314, đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 14/8/2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 430.490.990.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 463.723.870.140 đồng.
- Địa chỉ: Số 17, đường Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 04.38624057 Fax: 04.38624936 Website: www.vinasugar1.com.vn
- Quá trình hình thành và phát triển: Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần kế thừa chặng đường xây dựng và phát triển từ Liên hiệp các xí nghiệp công nông nghiệp mía đường I. Thực hiện quyết định số 118/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 17/1/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổng công ty chính thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ năm 2013. Sau 21 năm hoạt động với vô vàn khó khăn, Tổng công ty đã nỗ lực vươn lên thực hiện được mục tiêu "*Tổng công ty mạnh hơn, các đơn vị thành viên mạnh hơn, hiệu quả hơn*".

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

**a) Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất, kinh doanh, xuất - nhập khẩu các sản phẩm đường, bánh, kẹo, gia vị, đồ uống (bia và nước giải khát không ga).
- Trồng cây mía (mía giống và mía nguyên liệu).

**b) Ngành nghề kinh doanh phụ trợ**

- Cung cấp vật tư, hàng hóa phục vụ vùng nguyên liệu; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, bao bì.
- Kinh doanh thương nghiệp bán buôn, bán lẻ các sản phẩm của ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm; máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng thay thế, nguyên nhiên vật liệu ngành mía đường.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng và dịch vụ tư vấn đầu tư, xây lắp phát triển ngành mía đường; dịch vụ chuyển giao công nghệ sản xuất mía đường, bánh kẹo, bia.
- Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng.
- Làm đại lý phân phối cho các hãng nước ngoài.

**2.2. Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.**

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**3.1. Mô hình quản trị**

- Tổng công ty hoạt động theo mô hình tổ chức bao gồm: Văn phòng Tổng công ty và 2 chi nhánh (*Chi nhánh tại Hà Nội - Công ty Thương mại tư vấn và đầu tư và Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh*). TCT thực hiện đầu tư vốn tại doanh nghiệp khác, bao gồm:

3 Công ty con (Công ty CP mía đường Sơn Dương; Công ty CP bia - rượu - nước giải khát Viger; Công ty CP kỹ nghệ thực phẩm 19/5) và 3 Công ty liên kết, liên doanh (Công ty CP bánh kẹo Hải Châu, Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đài Loan, TCT mía đường II - Công ty CP).

- Tổng công ty áp dụng mô hình quản lý trực tuyến chức năng và từng bước hoàn thiện mô hình quản lý kinh tế truyền thống theo hướng quản trị doanh nghiệp tiên tiến và xây dựng mối liên kết giữa Tổng công ty với các Công ty thành viên, liên kết hợp tác, tin cậy và hiệu quả.

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (Ban Tổng giám đốc và các phòng chức năng), Các chi nhánh.

### 3.3. Các Công ty con, công ty liên kết

Stt	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ thực góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>				
1	Công ty CP mía đường Sơn Dương	Sơn Dương, Tuyên Quang	Sản xuất, chế biến đường	70.937.340.000	62,19%
2	Công ty CP bia - rượu - nước giải khát Viger	Việt Trì, Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh bia rượu, nước giải khát	17.987.000.000	71,22%
3	Công ty CP kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất bao bì, kinh doanh các sản phẩm từ đường	20.279.504.000	95,07%
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>				
1	Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất bánh kẹo, thực phẩm	48.727.093.000	44,85%
2	Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đài Loan	Thạch Thành, Thanh Hóa	Sản xuất, chế biến đường	1.720.000 USD	17,5%

### 4. Định hướng phát triển

4.1. Xây dựng Tổng công ty có quy mô đủ lớn, tập trung tăng trưởng chất lượng tạo ra giá trị gia tăng cao dựa vào quản trị, đổi mới công nghệ và kỹ thuật; Là đầu tàu dẫn dắt và là trung tâm kết nối hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu sản phẩm đường, nguyên vật liệu, phụ tùng thiết bị của toàn TCT.

4.2. Tập trung phát triển ba trụ cột: **Một là** sản phẩm mía đường và phụ phẩm của đường (phân bón, điện sinh khối, cồn, giấy); **Hai là** sản phẩm thực phẩm (bánh, kẹo, gia vị, đồ uống, trái cây) và sản phẩm sản phẩm phụ trợ (bao bì, cơ khí); **Ba là** thương mại, dịch vụ, tư vấn và xây - lắp công nghiệp trong ngành công nghiệp thực phẩm (mía đường, bánh, kẹo, bia) và xây dựng dân dụng.

4.3. Đầu tư sản xuất sâu, nâng cao năng lực sản xuất và phẩm cấp sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD, trong đó đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến và trình độ cao để cạnh tranh với các sản phẩm của các nước Đông Nam Á và Bắc Á - *trọng tâm* phát triển sản phẩm công nghệ Nhật Bản, Châu Âu.

4.4. Phát triển nguồn nhân lực là điều kiện tiên quyết để phát triển doanh nghiệp. Tập hợp đội ngũ Chuyên gia (trong và ngoài nước) về nghiên cứu phát triển kỹ thuật, công nghệ, ... và quản trị doanh nghiệp.

4.5. Sử dụng công nghệ thông tin vừa là nền tảng vừa là phương thức phát triển mới.

## 5. Các rủi ro

- Tiềm lực tài chính yếu sẽ dẫn đến sự cạnh tranh yếu cả về chất lượng và giá cả.
- Hội nhập xóa bỏ hạn ngạch và thuế quan, sản phẩm của các quốc gia trên thế giới có khả năng nhập vào Việt Nam rất lớn - cạnh tranh nội địa gay gắt hơn.
- Chính sách của nhà nước thay đổi ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của TCT.

## II. Tình hình hoạt động năm 2017

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 kinh tế thế giới và Việt Nam diễn biến tích cực, kinh tế vĩ mô trong nước ổn định, Chính phủ kiến tạo hành động, tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo mọi thuận lợi cho SXKD - từ đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là về tín dụng, thuế, phí, đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, xuất nhập khẩu; đến cắt giảm điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên, chính trị thế giới nhiều bất ổn, thiên tai diễn biến rất phức tạp; Gian lận thương mại, hàng nhái, hàng giả - hoạt động SXKD của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn từ thị trường đường tiếp tục khó khăn hơn, giá đường giảm sâu, tồn kho lớn đến thị trường bánh kẹo, đồ uống cạnh tranh gay gắt.

Tổng công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các chỉ thị, nghị quyết của HĐQT Tổng công ty và các doanh nghiệp. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 đạt được như sau:

- Doanh thu đạt 1.479,181 tỷ đồng, vượt 11,23% kế hoạch và tăng 36,12% so với năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 31,906 tỷ đồng, đạt 85,30% kế hoạch và bằng 56,18% so với năm 2016.
- Nộp ngân sách nhà nước đạt 5,637 tỷ đồng, vượt 8,03% kế hoạch và bằng 83,42% so với năm 2016.
- Cổ tức đạt 7% - hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ.
- Thu nhập bình quân người lao động đạt 15.947.000 triệu đồng/ng/tháng - vượt 7,69% kế hoạch và tăng 23,97% so với năm 2016.

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	CP sở hữu
1	Nguyễn Văn Hội	Tổng giám đốc	1. Ngày sinh: 29/04/1956 2. Giới tính: Nam 3. Quê quán: Đống Đa - Hà Nội 4. Dân tộc: Kinh 5. Quốc tịch: Việt Nam 6. Hộ khẩu thường trú: 33 Nguyễn Trường Tộ, phường Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội 7. Số CMND: 001056003070; Ngày cấp: 18/8/2015; Nơi cấp: Hà Nội 8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý hành chính công; Kỹ sư chuyên ngành ô tô máy kéo; Kỹ sư kinh tế công nghiệp	0,73%
2	Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng giám đốc	1. Ngày sinh: 13/01/1970 2. Giới tính: Nữ 3. Quê quán: Đình Bảng - Từ Sơn - Bắc Ninh 4. Dân tộc: Kinh 5. Quốc tịch: Việt Nam 6. Hộ khẩu thường trú: Số 5, hẻm 6/12/3 Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội 7. Số CMND: 012333790; Ngày cấp: 04/6/2013, Nơi cấp: Hà Nội	5,30%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	CP sở hữu
			8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế	
3	Trần Thị Mùi	Phó TGD kiêm KTT	1. Ngày sinh: 22/02/1978 2. Giới tính: Nữ 3. Quê quán: Đông Triều - Quảng Ninh 4. Dân tộc: Kinh 5. Quốc tịch: Việt Nam 6. Hộ khẩu thường trú: Số 115 A10, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội 7. Số CMND: 012854782; Ngày cấp: 23/03/2006, Nơi cấp: Hà Nội 8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân ngoại ngữ	0%

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

Năm 2017, Tổng công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ngô Thị Thu Hồng, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh (từ ngày 21/8/2017).

## 2.3. Số lượng CBCNV của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 47 người<sup>(1)</sup>.

Về chính sách đối với người lao động: TCT tiếp tục cải cách chính sách lương, thưởng cho người lao động gắn liền với kết quả sản xuất kinh doanh, năng suất và hiệu quả công tác của từng vị trí; Thực hiện chế độ đãi ngộ để thu hút nhân tài và tạo động lực thúc đẩy sự năng động, sáng tạo của cán bộ, nhân viên.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### 3.1. Các khoản đầu tư lớn

Năm 2017, Tổng công ty thực hiện đầu tư vốn mua bổ sung cổ phần tại Công ty CP kỹ nghệ thực phẩm 19/5 để đạt tỷ lệ cổ phần  $\geq 51\%$  vốn điều lệ. Tổng số tiền đầu tư là 11.408.050.000 đồng.

### 3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính năm 2017 của Công ty con, Công ty liên kết

(Đơn vị tính: đồng)

Công ty con	Tổng tài sản	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
Công ty CP kỹ nghệ thực phẩm 19/5	15.831.322.846	9.325.158.018	(847.827.946)
Công ty CP bia rượu nước giải khát Viger			
Công ty CP mía đường Sơn Dương	1.378.420.413.307	851.974.066.906	47.449.802.246
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đài Loan	716.483.379.881	922.477.138.542	117.433.149.878
Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	395.186.927.067	769.706.758.340	24.932.029.642

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	So sánh (%)
Tổng giá trị tài sản	1.150.111.672.924	1.283.667.086.348	111,6
Doanh thu thuần	1.278.731.974.496	1.426.160.894.439	111,5
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	53.670.016.125	29.707.906.558	55,3
Lợi nhuận khác	3.199.752.102	2.197.619.532	68,7
Lợi nhuận trước thuế	56.869.768.227	31.905.526.090	56,1
Lợi nhuận sau thuế	53.030.367.438	31.905.526.090	60,1
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức.(%)	7	7	100,00

<sup>(1)</sup> Trong đó, nam: 30 người, nữ: 17 người.

## 4.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,34	1,27
Hệ số thanh toán nhanh	0,9	1,1
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60	0,62
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,48	1,67
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay của hàng tồn kho	4,18	7,45
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,08	1,11
<b>4. Chỉ tiêu về sinh lời</b>		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,02
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,06
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,02
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	0,04	0,02

## 5. Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Số lượng cổ phiếu được phép lưu hành : 43.049.099 CP
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ : 43.049.099 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 43.049.099 CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông : 43.049.099 CP

### 5.2. Cơ cấu Cổ đông

Stt	Cổ đông	Số vốn góp (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	197.164.870.000	45,8
2	Công ty TNHH Kim Hà Việt	152.328.750.000	35,38
3	Tổng công ty mía đường II - Công ty CP	34.250.000.000	7,96
4	Công ty CP mía đường Lam Sơn	2.928.850.000	0,68
5	Các đối tượng khác	43.587.520.000	10,13
	<b>Tổng</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>100,00</b>

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm không có biến động về vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

### 5.5. Các chứng khoán khác

Trong năm không phát sinh các chứng khoán khác.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

### 6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước sạch của thành phố.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không.

#### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

#### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2017: 47 người

- Mức lương bình quân: 15.947.000 đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Người lao động được cung cấp các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công việc; Được đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ... theo quy định. Ngoài ra, người lao động được hưởng các chế độ phúc lợi như: khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm; Đi du xuân, nghỉ mát hàng năm ...

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Tổng số giờ đào tạo trung bình của Tổng công ty đạt 30 giờ/năm và 02 giờ/nhân viên - tập trung vào các chương trình phát triển kỹ năng để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp, bao gồm kỹ năng dành cho các cán bộ quản lý; Kỹ năng bán hàng; Kỹ năng xây dựng và quản lý kế hoạch.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:** Không.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không.

### **III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD**

Năm 2017, ngành mía đường, bánh kẹo, đồ uống tiếp tục chịu áp lực từ cạnh tranh khốc liệt. Được sự chỉ đạo, giám sát kịp thời, hiệu quả của Hội đồng quản trị; Sự điều hành quyết liệt của Ban điều hành; Sự đồng tâm hiệp lực của người lao động, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch năm 2016; Một số chỉ tiêu hoàn thành, hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh những thành tích đã đạt được còn một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục có các giải pháp quyết liệt khắc phục, nguyên nhân chủ yếu do quy mô và trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất thấp hoặc trung bình, hao phí cao dẫn đến giá thành sản phẩm cao, năng lực cạnh tranh thấp.

#### **2. Tình hình tài chính**

##### **2.1. Tình hình tài sản**

Quy mô tài sản của Tổng công ty tăng: *Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2017* là 1.283.667.086.348 đồng - tăng 133.555.413.424 đồng (= 11,61%) so với năm 2016. Trong đó: *Tài sản ngắn hạn* là 994.714.982.435 đồng (= 77,49% tổng tài sản); *Tài sản dài hạn* là 288.952.103.913 đồng (= 22,51% tổng tài sản). Cơ cấu tài sản phù hợp với điều kiện hoạt động của Tổng công ty chủ yếu là hoạt động thương mại - dịch vụ.

##### **2.2. Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả tăng so với năm 2016 - tại thời điểm 31/12/2017 là 804.705.730.148 đồng, chiếm 62,69% nguồn vốn và tăng 118.447.384.000 đồng (= 17,25%) so với cùng thời điểm năm 2016. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn : 784.014.393.873 đồng.

- Nợ dài hạn : 20.691.336.275 đồng.

#### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý**

Thực hiện chỉ đạo của HĐQT, năm 2015 Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy, định biên lại lao động theo khung thời vụ; Tiếp tục đổi mới công tác điều hành sản xuất, quản lý và tác nghiệp sâu hơn; Tăng cường thực hiện tiết giảm và tiết giảm sâu, trong đó kiểm soát chặt chẽ yếu tố đầu vào và một số chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý, ... để giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả SXKD cho Công ty; Từng bước xây dựng văn hóa công sở thân thiện; Giữ vững tổ chức, giữ vững đội ngũ và kỷ luật nội bộ.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

#### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

##### 6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật môi trường của nhà nước.

##### 6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Tổng công ty bảo đảm việc làm và thu nhập người lao động năm sau cao hơn năm trước. Trong năm, Tổng công ty không xảy ra đình công, dẫn công.

##### 6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của TCT đối với cộng đồng địa phương

Tổng công ty đã phối hợp với chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội địa phương tham gia các hoạt động thiện nguyện (như: ủng hộ đồng bào lũ lụt, tham gia hiến máu ...) - góp phần cải thiện và phát triển cuộc sống cộng đồng.

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty đã quyết liệt thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, các chương trình công tác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2017. Trong đó: Đã cân đối sát kế hoạch năm 2017 và chủ động cân đối cho năm 2018; Kiểm soát chặt chẽ các khâu yếu, điểm yếu ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả SXKD; Tăng cường quản lý đầu tư, mua sắm, quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, tiết kiệm chi tiêu thường xuyên; ... và cải thiện cơ chế, chính sách; Tiếp tục chấn chỉnh quản trị doanh nghiệp, chủ động phòng ngừa, cải thiện và khắc phục các tồn tại, hạn chế.

##### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Năm 2016, Tổng giám đốc và Ban điều hành Tổng công ty đã quyết liệt thực hiện các quyết nghị của ĐHĐCĐ, chỉ thị, nghị quyết của HĐQT, các khuyến cáo, khuyến nghị của HĐQT và BKS; Cơ bản tuân thủ các quy định của Nhà nước, điều lệ và định chế nội bộ của Tổng công ty. Sự nỗ lực và hoạt động có hiệu quả của Tổng giám đốc và Ban điều hành đã giúp cho Tổng công ty thực hiện thắng lợi Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết và chỉ thị của HĐQT, nhiệm vụ và chương trình công tác của BDH.

##### 3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2018

Tổng công ty quyết liệt triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT; Chương trình công tác năm của HĐQT và BDH - chú trọng thực hiện các nhiệm vụ chưa hoàn thành và khắc phục các tồn tại, hạn chế; Sử dụng các giải pháp thiết thực để đẩy mạnh SXKD - *trong đó tập trung một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau đây:*

**3.1.** Huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo, điều hành, thực hiện đồng bộ nhiệm vụ và giải pháp thiết thực để đẩy mạnh SXKD, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018, vụ ép 2017-2018 & 2018-2019. Thực hiện 5 chương trình lớn:

*Một là* chương trình đầu tư tăng năng lực sản xuất và phát triển sản phẩm;

*Hai là* chương trình phát triển Marketing và phát triển hệ thống phân phối;

*Ba là* chương trình đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật;

*Bốn là* chương trình đào tạo và hợp tác chuyên gia;

*Năm là* chương trình kiểm soát chi phí, kiểm soát giá thành sản phẩm và dừng sản xuất sản phẩm lỗi.

##### 3.2. Quyết liệt tái cơ cấu, tổ chức lại toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh

- Từng bước tổ chức lại một số Công ty theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (Son Dương, Hải Châu).

- Tập trung đầu tư phát triển nguồn lực cơ bản, trước mắt ưu tiên đầu tư tăng nhanh năng lực sản xuất chính (mía đường, bánh kẹo, gia vị thực phẩm, đồ uống và bao bì). Đầu

tư sản xuất sâu, đổi mới kỹ thuật, công nghệ - tạo lợi thế cạnh tranh dựa trên chất lượng sản phẩm cao hơn, dịch vụ tốt hơn và chi phí thấp hơn; Mặt khác, đầu tư phát triển hệ thống vệ tinh gia công sản phẩm; Đầu tư chuyên quyền thương hiệu; Đầu tư khai thác nguồn lực đất đai.

- Tổ chức lại hệ thống sản xuất mía đường và sau đường - trọng tâm là hợp lý hóa sản xuất tinh gọn và sạch; Kiểm soát chặt chẽ quy chuẩn sản xuất, định mức kinh tế - kỹ thuật tiên bộ; Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; Thực hiện chương trình giảm tổn thất, tăng thu hồi đồng thời thực hiện tiết giảm sâu, hạ giá thành sản phẩm; Giữ vững chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Dừng sản xuất sản phẩm lỗi.

- Tổ chức lại thị trường và hệ thống phân phối - đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm và doanh số bán hàng. *Trọng tâm là:* Tăng cường quản trị marketing; Phát triển sản phẩm và thị trường; Phát triển hệ thống bán hàng, cung ứng dịch vụ hướng vào khách hàng - thực hiện “lợi ích cốt lõi, dịch vụ hỗ trợ tăng cao hơn cho khách hàng”; Phát triển thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp.

- Phát triển mạnh thương mại - dịch vụ, *trọng tâm* Tổng công ty là trung tâm kết nối thương mại, dịch vụ của toàn Tổng công ty; Tập trung tăng nhanh, mạnh về mặt hàng, doanh số và thị phần (trong đó triển khai thành công kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản, thực phẩm); Phát triển lực lượng bán hàng mạnh, hiệu quả.

**3.3.** Tập trung sắp xếp lại tổ chức - bộ máy và nhân lực từ Tổng công ty đến các đơn vị, *trọng tâm là:* Xây dựng cơ cấu bộ máy tinh gọn, năng động; Đổi mới cơ chế, chính sách tiền lương, tiền thưởng gắn với hiệu quả công việc; Đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Hợp tác, sử dụng chuyên gia trong các lĩnh vực trọng yếu.

**3.4.** Tăng cường quản lý tài sản, tiền vốn; Quản lý chặt chẽ đầu tư, mua sắm và tiêu thụ sản phẩm; Quản lý chặt chi tiêu ... và tăng cường thực hiện các giải pháp đồng bộ, toàn diện tiết giảm sâu - hạ giá thành sản phẩm; Thực hiện bảo toàn và phát triển vốn.

**3.5.** Chú trọng đổi mới, cải thiện quản trị sản xuất kinh doanh - *trọng tâm là* xây dựng quản trị tiên tiến, chế độ làm việc năng động, hiệu quả; Xây dựng môi trường văn minh, thân thiện, giàu sức học tập và sức sáng tạo; Thực hiện chế độ trách nhiệm cao, kỷ luật cao. Giữ vững tổ chức, chăm lo việc làm, thu nhập người lao động.

**3.6.** Tăng cường giám sát, tự kiểm tra và kiểm tra lại ở tất cả các cấp quản lý, điều hành. Chú trọng kiểm soát rủi ro; Chủ động ngăn ngừa sai phạm và chấn chỉnh kịp thời.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức danh		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
		Tại TCT	Tại Công ty khác		
1	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Sơn Dương - Chủ tịch HĐQT Công ty CP bánh kẹo Hải Châu - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đà Loan	0,73%	
2	Trần Thị Lệ Châm	TV HĐQT	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP bia - rượu - nước giải khát Viger. - TV HĐQT Công ty CP mía đường Sơn Dương	5,30%	



Stt	Họ và tên	Chức danh		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
		Tại TCT	Tại Công ty khác		
3	Lê Trung Thành	TV HĐQT	- TV HĐQT Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	Đại diện vốn Cổ đông Công ty CP mía đường Lam Sơn	
4	Cao Chiến Thắng	TV HĐQT		Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hợp Thịnh	
5	Nguyễn Hồng Phương	TV HĐQT		Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hợp Thịnh	Bầu bổ sung từ tháng 5/2017

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không.

### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT phát huy nguồn lực, tận dụng thời cơ, khắc phục tồn tại, hạn chế. Xây dựng chiến lược và tái cơ cấu giai đoạn 2015-2020 định hướng đến năm 2025. Tập trung cải thiện năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp. Trọng tâm là quyết liệt đổi mới quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống cơ bản, hệ thống phụ trợ và hệ thống kiểm soát; Tổ chức sản xuất mía đường theo chuỗi liên kết; Thực hiện chính sách cam kết đầu tư phát triển mía lâu dài; Tổ chức kiểm soát quá trình và điều hành thời vụ, kiểm soát chặt chẽ tổn thất và chất lượng sản phẩm; Tập trung đầu tư phát triển sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt, nâng cao năng lực sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm; Thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và sáng kiến cải tiến; Giám sát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật; Tập trung đổi mới và phát triển tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; Phát triển thương mại và dịch vụ trên cơ sở phát huy sâu kết nối nội khối và phát triển mạnh ra bên ngoài; Quản lý chặt chẽ các nguồn lực; Kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm lỗi, hiệu quả thấp; Thực hiện tiết giảm sâu và giảm giá thành sản phẩm.

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp và 15 lần lấy ý kiến bằng văn bản - đưa ra 44 nội dung quyết nghị và chỉ đạo. Chủ tịch HĐQT thường xuyên họp và làm việc với Ban điều hành để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ giải quyết công việc. Đến hết ngày 31/12/2017, có 42 nội dung đã thực hiện xong, còn 2 nội dung đang thực hiện tiếp.

Các cuộc họp HĐQT (trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đều mời Trưởng BKS tham dự. HĐQT thường xuyên trao đổi với BKS để chủ động giám sát, đánh giá và đưa ra các khuyến cáo, khuyến nghị nhằm bảo đảm các hoạt động của TCT là hữu hiệu nhất.

*\* Tổng hợp các nghị quyết của HĐQT trong năm 2017 - chi tiết phụ lục kèm theo.*

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Đỗ Đình Quý	Trưởng ban	0,73%	
2	Lê Thị Huệ	Thành viên	Đại diện vốn Cổ đông Công ty CP mía đường Lam Sơn	Từ nhiệm tháng 5/2017

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
3	Đỗ Minh Hiếu	Thành viên		Từ nhiệm tháng 7/2017

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- BKS hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ TCT và quy chế hoạt động của BKS. Các thành viên trong BKS hoạt động độc lập, chủ động thực hiện chương trình công tác và nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban. BKS họp định kỳ vào những đợt kiểm tra hàng quý để kiểm điểm, rút kinh nghiệm, ngoài ra thường xuyên trao đổi công việc bằng điện thoại hoặc thư điện tử.

- BKS đã thường xuyên nắm bắt tình hình TCT thông qua các Phòng ban, chủ động tiến hành các cuộc kiểm tra định kỳ theo chương trình công tác của BKS và kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của HĐQT. Sau các đợt kiểm tra, BKS có báo cáo, đánh giá những tồn tại, nguyên nhân và đề xuất các ý kiến nhằm khắc phục tồn tại, đồng thời giám sát quá trình khắc phục tồn tại.

- BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến trong xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, thảo luận các phương hướng hành động trong củng cố tổ chức, phát triển SXKD cũng như hoạt động đầu tư - xây dựng; Đóng góp các ý kiến trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính - đảm bảo hoạt động của Công ty là phù hợp và đúng với các quy định của Nhà nước và của Công ty.

- Trong năm qua, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và TCT trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, BTGD, cụ thể:

+ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng giám đốc TCT về các vấn đề liên quan đến hoạt động của TCT trong năm;

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc;

+ Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

Ban kiểm soát nhận thấy, trong năm 2017 bằng những hoạt động kiểm tra, giám sát trực tiếp và gián tiếp, Ban kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ một cách khách quan, trung thực, đã phân tích, đánh giá và đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT, BKH Tổng công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của TCT là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của Cổ đông, đáp ứng mục tiêu ổn định và phát triển của Tổng công ty.

- BKS đã hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ của TCT, luật Doanh nghiệp và quy chế hoạt động của BKS.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, Ban KS

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích năm 2017 của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty trên nguyên tắc tiết kiệm của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (bq đồng/tháng)	Tổng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	15.000.000	180.000.000	

2	Trần Thị Lệ Châm	Thành viên	10.000.000	120.000.000	
3	Lê Trung Thành	Thành viên	10.000.000	120.000.000	
4	Cao Chiên Thắng	Thành viên	10.000.000	120.000.000	
5	Nguyễn Hồng Phương	Thành viên	10.000.000	75.000.000	Bầu bổ sung từ tháng 5/2017
<b>II Ban kiểm soát</b>					
1	Đỗ Đình Quý	Trưởng ban		157.500.000	Từ T.1 - T.3: 22.500.000đ/tháng Từ T.4: 10.000.000 đồng/tháng
2	Lê Thị Huệ	Thành viên	5.000.000	20.000.000	Từ nhiệm T.5/2017
3	Đỗ Minh Hiếu	Thành viên	5.000.000	7.500.000	Từ nhiệm T.7/2017
<b>III Ban Tổng giám đốc</b>					
1	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	50.761.712	609.140.546	
2	Trần Thị Lệ Châm	P.Tổng giám đốc	30.216.517	362.598.209	
3	Trần Thị Mùi	P.Tổng giám đốc kiêm KTT	26.298.256	210.386.044	

### 3.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ

Doanh thu với Cổ đông nội bộ:

Công ty TNHH Kim Hà Việt : 16.519.047.619 đồng

### 3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Tất cả các hoạt động của Tổng công ty đều phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh; Tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Nhà nước và điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của TCT.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến của kiểm toán

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính kiểm toán được kiểm toán

Gồm:

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

(Có báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán kèm theo)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGD Công ty;
- Các phòng ban, đơn vị Công ty;
- Lưu VT.



*Nguyễn Văn Hội*

**PHỤ LỤC:**

**TỔNG HỢP CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017**

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	442/NQ-MĐI-HĐQT	11/3/2017	<p>1. Thống nhất chỉ đạo Người đại diện quản lý vốn của TCT đầu tư tại Công ty CP bia - rượu - NGK Viger có ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT Công ty về việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề ông Phan Xuân Thanh thôi giữ chức Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 13/3/2017.</li> <li>- Bổ nhiệm ông Đỗ Đình Quý, Thành viên HĐQT giữ chức Tổng giám đốc thay ông Phan Xuân Thanh kể từ ngày 13/3/2017.</li> <li>- Đề ông Đỗ Minh Hiếu thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP bia - rượu - nước giải khát Viger và thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Viger Hà Nội kể từ ngày 13/3/2017.</li> </ul> <p>1. Thống nhất chỉ đạo Người đại diện quản lý vốn của TCT đầu tư tại Công ty CP kỹ nghệ thực phẩm 19/5 có ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT Công ty về việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề ông Vũ Văn Tài thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 13/3/2017.</li> <li>- Bổ nhiệm ông Phan Xuân Thanh giữ chức Tổng giám đốc Công ty thay ông Vũ Văn Tài kể từ ngày 13/3/2017.</li> </ul>
2	605/NQ-MĐI-HĐQT	30/3/2017	<p>1. Thống nhất thôi không thôi không trả lương chuyên trách (mức lương hiện hưởng 22.500.000 đồng/tháng) cho ông Đỗ Đình Quý - Trưởng BKS TCT và thực hiện chi trả thù lao hàng tháng với mức thù lao của Thành viên HĐQT đang hưởng tại TCT là 10.000.000 đồng/tháng. Thời gian kể từ ngày 13/3/2017.</p> <p>2. HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ TCT về việc thay đổi hình thức và mức lương của Trưởng BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất</p>
3	674/NQ-MĐI-HĐQT	08/4/2017	Thống nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2017 và thời gian chốt danh sách cổ đông có quyền dự Đại hội.
4	710/NQ-MĐI-HĐQT	12/4/2017	<p>1. Thống nhất thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2017 và thời gian chốt danh sách cổ đông có quyền dự Đại hội.</p> <p>2. Giao cho Tổng giám đốc Công ty chuẩn bị và tổ chức Đại hội theo đúng quy định.</p>
5	877/NQ-MĐI-HĐQT	04/5/2017	<p>1. Thống nhất tạm ngừng hoạt động kinh doanh của Chi nhánh xuất nhập khẩu thực phẩm - TCT mía đường I - Công ty CP. Thời gian tạm ngừng: kể từ ngày 01/6/2017 đến ngày 31/5/2018</p> <p>2. Thống nhất tổ chức sắp xếp lại các phòng kinh doanh của TCT, thực hiện sáp nhập phòng Kinh doanh đường &amp; sản phẩm sau đường, phòng kinh doanh vật tư nông nghiệp và phòng kinh doanh xuất nhập khẩu thành phòng Kinh doanh TCT mía đường I - Công ty CP.</p> <p>3. Giao Tổng giám đốc TCT thực hiện các thủ tục tạm</p>



Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			ngừng hoạt động của Chi nhánh và sắp xếp lại phòng Kinh doanh theo đúng quy định
6	957/NQ-MĐI-HĐQT	15/5/2017	Thống nhất thông qua các tài liệu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
7	1068/NQ-MĐI-HĐQT	31/5/2017	1. Thống nhất chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần đầu tư tại Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đài Loan cho Công ty Hữu hạn cổ phần Kim Xa và Công ty Hữu hạn cổ phần Thực phẩm Nghĩa Mỹ. 2. Đối với văn bản trả lời của Công ty Hữu hạn cổ phần đường Đài Loan, ngày 25/5/2017 Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần mới nhận được, như vậy là quá 1 ngày so với quy định tại thông báo số 718/TB-MĐI-HĐQT ngày 13/4/2017. Hơn nữa, văn bản của Công ty Hữu hạn cổ phần đường Đài Loan không có dấu Công ty xác nhận nên không phải là văn bản chính thức. Do vậy, thống nhất không xem xét đối với văn bản của Công ty Hữu hạn cổ phần đường Đài Loan.
8	1150/NQ-MĐI-HĐQT	13/6/2017	1. Thống nhất chi trả cổ tức lần 2 năm 2016 cho Cổ đông Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần. 2. Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán VACO, địa chỉ tầng 12A tòa nhà Tổng công ty 319 - 63 Lê Văn Lương, Hà Nội - là đơn vị kiểm toán năm 2017 của Tổng công ty.
9	1271/NQ-MĐI-HĐQT	30/6/2017	1. Thống nhất thực hiện phương án vay vốn, thế chấp tài sản của TCT tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng. 2. Thống nhất ủy quyền cho Công ty Thương mại tư vấn và đầu tư ký kết các hợp đồng giao dịch tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng.
10	1347/NQ-MĐI-HĐQT	08/7/2017	Thống nhất nội dung trả lời phiếu biểu quyết xin ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty CP kỹ nghệ thực phẩm 19/5.
11	1638/NQ-MĐI-HĐQT	21/8/2017	Đồng ý đề bà Ngô Thị Thu Hồng, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần thôi kiêm nhiệm vụ Trưởng phòng Kinh doanh TCT kể từ ngày 21/8/2017
12	1911/NQ-MĐI-HĐQT	22/9/2017	1. Thống nhất thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình, kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm của Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần 2. Thống nhất thông qua công tác nhân sự của Tổng công ty như sau: 2.1. Chấp thuận đơn từ nhiệm chức thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty mía đường I - Công ty CP của ông Đỗ Minh Hiếu. HĐQT sẽ thực hiện các thủ tục miễn nhiệm chức thành viên BKS của ông Đỗ Minh

100  
TỔ  
CỘNG  
HỘI Đ  
CỘNG  
CỔ  
TRƯ

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>Hiệu tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất của TCT.</p> <p>2.2. Chấp thuận đơn từ nhiệm chức Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP mía đường Sơn Dương và Công ty CP bánh kẹo Hải Châu của bà Ngô Thị Thu Hồng. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các thủ tục miễn nhiệm chức Trưởng Ban kiểm soát của bà Ngô Thị Thu Hồng và tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất của 2 Công ty.</p> <p>2.3. Chấp thuận đề NDD quản lý vốn của TCT tại Công ty CP bánh kẹo Hải Châu biểu quyết thông qua đơn từ nhiệm chức Thành viên HĐQT Công ty của bà Lê Thị Thủy.</p> <p>2.4. Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị phương án nhân sự và thủ tục đề bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty; Cử người đại diện và giới thiệu nhân sự bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP bánh kẹo Hải Châu; Cử người đại diện và giới thiệu nhân sự bầu cử bổ sung Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP mía đường Sơn Dương - theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức &amp; hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị tại các Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Trước mắt:</p> <p>a) Giao ông Trần Đình Tiên, Phó phòng Tài chính kế toán TCT, Người đại diện quản lý vốn của TCT tại Công ty CP mía đường Sơn Dương, Thành viên Ban kiểm soát Công ty thực hiện các nhiệm vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty thay bà Ngô Thị Thu Hồng.</p> <p>b) Giao bà Đường Thị Hồng Hải, Phó phòng Tài chính kế toán TCT, Người đại diện quản lý vốn của TCT tại Công ty CP bánh kẹo Hải Châu, Thành viên Ban kiểm soát Công ty thực hiện các nhiệm vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty thay bà Ngô Thị Thu Hồng.</p>
13	1926/NQ-MĐI-HĐQT	25/9/2017	<p>Thông nhất phê duyệt đầu tư vốn mua bổ sung cổ phần tại Công ty CP kỹ nghệ thực phẩm 19/5</p>
14	2051/NQ-MĐI-HĐQT	24/10/2017	<p>Thông nhất sửa đổi khoản 5, điều 2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty từ “5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty một (01) người là Tổng giám đốc. Người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành.” thành “5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gồm hai (02) người là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành.”</p> <p>2. Thông nhất phê duyệt chủ trương điều chỉnh tổng mức đầu tư dự kiến và tiến độ thực hiện của dự án đầu tư xây dựng nhà máy bánh kẹo Hải Châu II tại Nghệ An.</p>

143  
 NG  
 G T  
 SƠN  
 G T  
 PHÂN  
 NG-T

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>3. Thống nhất giao cho HĐQT tổ chức lập dự án đầu tư; Tổ chức thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo các quy định của nhà nước và Công ty - bảo đảm bảo toàn vốn đầu tư. HĐQT báo cáo ĐHCĐ kết quả thực hiện tại đại hội cổ đông gần nhất.</p>
15	2345/NQ-MĐI-HĐQT	28/12/2017	<p>1. Thống nhất để Công ty CP bánh kẹo Hải Châu thanh lý và quyết toán hợp tác đầu tư với Handico7 theo dự thảo biên bản thanh lý của Công ty CP bánh kẹo Hải Châu.</p> <p>2. Chấp thuận đơn vị hợp tác, liên doanh đầu tư với Công ty CP bánh kẹo Hải Châu để thực hiện dự án tại số 15 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội là Công ty CP tập đoàn PICENZA Việt Nam.</p> <p>3. Chấp thuận nội dung hợp tác đầu tư, nguyên tắc và hình thức thực hiện hợp tác đầu tư dự án tại số 15 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo văn bản số 834/CV-HC-HĐQT ngày 21/12/2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu.</p> <p>4. Chấp thuận nội dung dự thảo hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư giữa Công ty CP bánh kẹo Hải Châu và Công ty CP tập đoàn PICENZA Việt Nam theo dự thảo. Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty CP bánh kẹo Hải Châu tiếp tục tổ chức đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng để triển khai thực hiện và đưa dự án vào khai thác trong thời gian sớm nhất và hiệu quả nhất.</p> <p>5. Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần ủy quyền cho Công ty CP bánh kẹo Hải Châu sử dụng giá trị lợi thế quyền sử dụng đất của Tổng công ty mía đường I tại số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để góp vốn đầu tư dự án (TCT sẽ có văn bản ủy quyền trước khi tiến hành các thủ tục góp vốn thực hiện dự án).</p> <p>6. Đồng ý quyền lợi được hưởng của Tổng công ty từ việc hợp khối kiến trúc khối văn phòng TCT mía đường I - Công ty CP tại số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với dự án 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội giữ nguyên như biên bản hợp ngày 24/4/2011 giữa 3 bên: Tổng công ty mía đường I; Công ty CP bánh kẹo Hải Châu và HANDICO7. Tổng công ty mía đường I ủy quyền cho Công ty CP bánh kẹo Hải Châu làm việc với Công ty CP tập đoàn PICENZA để trao đổi, thống nhất lại về hợp khối và quyền lợi được hưởng của TCT theo nguyên trạng thỏa thuận tại biên bản hợp; Trường hợp có thay đổi, Công ty CP bánh kẹo Hải Châu thông báo kịp thời cho TCT mía đường I để xem xét quyết định.</p> <p>7. Thống nhất Công ty CP bánh kẹo Hải Châu được quyền</p>



Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>ưu tiên mua lại 2.500 m<sup>2</sup> diện tích sàn xây dựng để làm văn phòng làm việc của Công ty với giá bán được hai Công ty thỏa thuận theo giá thị trường. Vị trí khối văn phòng và các điều kiện cụ thể khác được điều chỉnh tại hợp đồng kinh tế sau khi quy hoạch tổng mặt bằng 1/500 được duyệt và dự án được cấp phép xây dựng.</p> <p>8. Thống nhất để Công ty CP bánh kẹo Hải Châu tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua các nội dung hợp tác đầu tư tại 15 Mạc Thị Bưởi bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>
16	2383/NQ-MĐI-HĐQT	31/12/2017	<p>Thống nhất chấp thuận chi tiền từ Quỹ khen thưởng phúc lợi cho cán bộ, nhân viên Văn phòng Tổng công ty, Công ty Thương mại tư vấn &amp; đầu tư nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2018 theo đề nghị của Tổng giám đốc TCT tại tờ trình số 2330/TTr-MĐI-TCHC ngày 28/12/2017</p>

T.C.P.★





**TÔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 33

0254  
CƠ  
T  
KIỂM  
VA  
NH Đ

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên
Ông Cao Chiến Thắng	Ủy viên
Bà Nguyễn Hồng Phương	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mùi	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Văn Hội.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

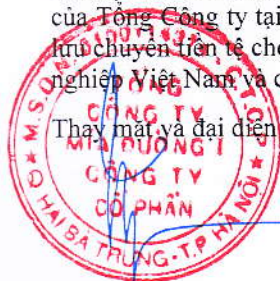
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Hội**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Số: 179 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 09/04/2018, từ trang 03 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

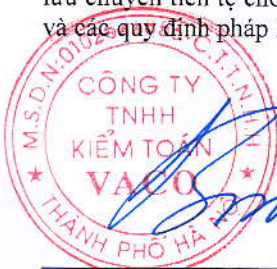
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


### *Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

  
**Đặng Minh Hạnh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3290-2015-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>994.714.982.435</b>	<b>871.351.148.967</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>67.324.485.340</b>	<b>44.595.635.839</b>
1. Tiền	111		63.431.903.461	23.885.691.195
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.892.581.879	20.709.944.644
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>781.227.694.287</b>	<b>552.885.519.268</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	288.728.801.650	136.066.870.140
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	274.623.186.683	192.130.457.477
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	189.551.000.000	182.551.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	34.806.860.683	44.961.683.364
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(6.482.154.729)	(2.824.491.713)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>129.679.416.636</b>	<b>243.516.035.610</b>
1. Hàng tồn kho	141		129.679.416.636	243.516.035.610
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.483.386.172</b>	<b>30.353.958.250</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.201.148.800	27.787.962.038
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.282.237.372	2.565.996.212
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>288.952.103.913</b>	<b>278.760.523.957</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.113.790.913</b>	<b>9.330.270.957</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.113.790.913	9.330.270.957
- Nguyên giá	222		13.827.258.625	15.057.454.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.713.467.712)	(5.727.183.668)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>280.838.313.000</b>	<b>269.430.253.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		109.203.844.000	97.795.784.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		145.913.413.000	145.913.413.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.592.500.000	34.592.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.871.444.000)	(8.871.444.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.283.667.086.348</b>	<b>1.150.111.672.924</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>804.705.730.148</b>	<b>686.258.346.148</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>784.014.393.873</b>	<b>649.067.009.873</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	180.298.975.548	235.099.170.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	274.923.812.912	59.920.801.064
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	963.512.520	696.372.194
4. Phải trả người lao động	314		1.603.546.511	1.558.302.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	30.696.968.975	15.551.645.200
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		288.257.576	267.977.271
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	25.697.408.286	43.868.736.755
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	261.574.987.093	291.233.610.123
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.966.924.452	870.393.437
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.691.336.275</b>	<b>37.191.336.275</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	20.691.336.275	37.191.336.275
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>478.961.356.200</b>	<b>463.853.326.776</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>478.907.465.386</b>	<b>463.799.435.962</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.490.990.000	430.490.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.490.990.000	430.490.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.412.517.759	8.078.575.039
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.003.957.627	25.229.870.923
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.098.431.537	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		31.905.526.090	25.229.870.923
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>53.890.814</b>	<b>53.890.814</b>
1. Nguồn kinh phí	431		53.890.814	53.890.814
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.283.667.086.348</b>	<b>1.150.111.672.924</b>



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.426.160.894.439	1.278.731.974.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.426.160.894.439	1.278.731.974.496
4. Giá vốn hàng bán	11	23	1.394.373.951.222	1.217.375.316.422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		31.786.943.217	61.356.658.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	50.057.957.306	61.044.200.410
7. Chi phí tài chính	22	26	20.110.810.988	32.220.864.063
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.070.551.490	12.814.471.309
8. Chi phí bán hàng	25	27	12.486.932.605	12.320.547.857
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	19.539.250.372	24.189.430.439
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.707.906.558	53.670.016.125
11. Thu nhập khác	31		2.961.832.642	5.828.986.760
12. Chi phí khác	32		764.213.110	2.629.234.658
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	28	2.197.619.532	3.199.752.102
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		31.905.526.090	56.869.768.227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	3.839.400.789
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		31.905.526.090	53.030.367.438



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	31.905.526.090	56.869.768.227
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	2	819.929.381	819.854.253
Các khoản dự phòng	3	3.657.663.016	48.348.385
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	7.492.450
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(50.022.194.290)	(61.124.827.564)
Chi phí lãi vay	6	20.070.551.490	12.814.471.309
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	6.431.475.687	9.435.107.060
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(198.108.297.405)	(201.607.625.468)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	113.836.618.974	(157.151.112.913)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	162.548.795.466	(188.027.388.308)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	-	42.653.952
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.492.281.457)	7.863.182.816
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(104.328.601)	(7.804.201.413)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	377.752.030
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(986.817.250)	(3.377.565.143)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	60.125.165.415	(540.249.197.387)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.043.945.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	415.000.000	1.292.181.674
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	(86.551.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	42.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.777.020.100)	(52.017.340.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	94.521.625.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.351.736.501	50.338.295.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.989.716.401	48.539.816.259
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	814.980.408.976	156.339.150.079
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(844.639.032.006)	2.172.615.044
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.727.409.284)	(63.197.096.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.386.032.314)	95.314.669.123
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	22.728.849.501	(396.394.712.005)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	44.595.635.839	440.997.840.294
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(7.492.450)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	67.324.485.340	44.595.635.839



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty TNHH Một thành viên, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0100114314 ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/03/2016.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.490.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017 là 47 người (tại ngày 31/12/2016 là 56 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất đường, ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất rượu vang, bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì từ giấy và bia; Sản xuất phân bón và hợp chất ni to;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc thiết bị, thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Công ty Thương mại Tư vấn & Đầu tư, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Chi nhánh Xuất nhập khẩu thực phẩm và các công ty con, công ty liên doanh liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Quận Sơn Tây, TP. Hà Nội	1.901.343	95,07%	95,07%	Kinh doanh các sản phẩm từ đường
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.711.500	71,22%	71,22%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7.988.134	62,19%	62,19%	Sản xuất chế biến đường
Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	17,50%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Các cổ đông lớn: Công ty TNHH XNK và Chế biến gỗ Hợp Thịnh, Công ty TNHH Kim Hà Việt;
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty đã áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Tổng Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Văn phòng Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)*****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính Ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư số 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là bản quyền công nghệ phân xưởng vi sinh Công ty được chuyển giao và phần mềm máy tính, tài sản được khấu hao trong 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	620.297.192	1.741.448.797
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.811.606.269	22.144.242.398
Các khoản tương đương tiền (i)	3.892.581.879	20.709.944.644
<b>Cộng</b>	<b>67.324.485.340</b>	<b>44.595.635.839</b>

Ghi chú: (i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất tiền gửi 4,8%/năm. Các khoản tiền gửi ngân hàng này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 19.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>288.728.801.650</b>	<b>136.066.870.140</b>
Công ty CP Mía Đường Sơn Dương	138.449.599.236	96.119.722.529
Chi nhánh Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	49.958.884.586	-
Công ty TNHH An Hà	32.175.000.000	13.902.560.001
Công ty CP TM và Dịch vụ Song Phương	29.686.999.895	6.209.999.991
Công ty TNHH Kim Hà Việt	17.345.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	8.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	2.501.930.601	2.501.930.601
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.476.904.600	1.585.023.583
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	1.408.429.826	-
Công ty CP Lò hơi Ngô Châu	124.921.165	124.921.165
Các đối tượng khác	7.121.131.741	15.622.712.270
<b>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>208.640.161.498</b>	<b>59.503.598.560</b>
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	49.958.884.586	3.142.599.978
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	138.449.599.236	53.706.738.906
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.476.904.600	1.585.023.583
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đài Loan	1.343.250	442.028.633
Công ty TNHH Kim Hà Việt	17.345.000.000	-
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	1.408.429.826	-
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	-	627.207.460

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>274.623.186.683</b>	<b>192.130.457.477</b>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	49.931.489.999
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	174.060.488.919	5.826.214.147
Công ty TNHH XNK & Chế biến gỗ Hợp Thịnh	50.177.733.333	36.777.733.333
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	8.447.899.997	16.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung	6.009.999.200	30.306.320.000
Công ty TNHH Đức Lộc	10.300.000.000	30.300.000.000
Công ty SXTM Hải Hà	-	10.000.000.000
Các đối tượng khác	25.627.065.235	12.488.699.998
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	<b>225.202.402.231</b>	<b>93.499.617.459</b>
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	964.179.980	964.179.980
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	49.931.489.999
Công ty TNHH XNK & Chế biến gỗ Hợp Thịnh	50.177.733.333	36.777.733.333
Công ty Mía đường Sơn Dương	174.060.488.919	5.826.214.147

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan (i)	182.551.000.000	182.551.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung (ii)	7.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>189.551.000.000</b>	<b>182.551.000.000</b>

Ghi chú

(i): Là khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương theo hợp đồng số 45/2014 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 22/12/2014 kèm phụ lục số 01 ngày 29/01/2015, hợp đồng số 08/2015 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 30/09/2015, hợp đồng số 10/2016-ĐSD&TCT.MĐI và hợp đồng số 11/2016-ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016.

(ii): Là khoản cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 130/HĐKT/MĐI-TCKT ngày 23/10/2017. Mục đích cho vay là để Công ty Hải Nhung hỗ trợ tổ chức chạy thử nhà máy Điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang. Lãi suất cho vay là 8%/năm. Hợp đồng không quy định cụ thể thời gian cho vay.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.806.860.683</b>	<b>-</b>	<b>44.961.683.364</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	243.874.549	-	19.425.167.854	-
Tạm ứng	356.899.630	-	550.014.511	-
Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan	26.415.506.702	-	11.881.048.597	-
Phải thu phần CLTG với Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan (i)	1.573.470.453	-	1.837.913.396	-
Công ty Cổ phần KNTP 19/5 - Bên liên quan	-	-	5.394.116.100	-
Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	381.356.868	-	381.356.868	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	4.546.910.863	-	4.769.028.202	-
Các đối tượng khác	1.288.841.618	-	723.037.836	-

Ghi chú: (i) Là khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá phải trả nhà cung cấp Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited mà theo Hợp đồng số 35/2016/HĐ-ĐSD, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương sẽ thanh toán khoản này cho Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lilama Hà Nội	1.657.200.000	1.657.200.000	1.657.220.000	1.657.220.000
Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	821.256.312	821.256.312	821.256.312	821.256.312
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	100.000.000	100.000.000	-	-
Công ty Mía đường Trà Vinh	7048841464	3.524.420.732	-	-
Các đối tượng khác	451.926.102	379.277.685	1.614.516.180	346.015.401
<b>Cộng</b>	<b>10.079.223.878</b>	<b>6.482.154.729</b>	<b>4.092.992.492</b>	<b>2.824.491.713</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm (trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.303	-	131.229.020	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	92.522.294.792	-	228.889.414.891	-
Hàng hóa	37.157.085.541	-	14.495.391.699	-
<b>Cộng</b>	<b>129.679.416.636</b>	<b>-</b>	<b>243.516.035.610</b>	<b>-</b>

**Ghi chú**

(i): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí tập hợp của dự án thiết kế, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, mua sắm thiết bị và vật tư xây lắp công trình nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW, TBA - trạm cắt cao thế theo Hợp đồng số 35/2016/HĐ-ĐSD ngày 15/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương và Liên danh nhà thầu là Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Lisemco 2.

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số đầu năm	8.690.466.403	6.222.076.000	144.912.222	15.057.454.625
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.230.196.000)	-	(1.230.196.000)
Số cuối năm	8.690.466.403	4.991.880.000	144.912.222	13.827.258.625
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số đầu năm	4.344.250.956	1.238.020.490	144.912.222	5.727.183.668
Khấu hao trong năm	282.745.996	537.183.385	-	819.929.381
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(833.645.337)	-	(833.645.337)
Số cuối năm	4.626.996.952	941.558.538	144.912.222	5.713.467.712
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số đầu năm	4.346.215.447	4.984.055.510	-	9.330.270.957
Số cuối năm	4.063.469.451	4.050.321.462	-	8.113.790.913

Giá trị còn lại của tài sản cố định là tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 3.176.569.392 VND (tại ngày 31/12/2016 là 3.505.563.938 VND) như trình bày ở Thuyết minh số 19.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 144.912.222 VND (tại ngày 31/12/2016 là 144.912.222 VND).

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
<b>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
- <i>Đầu tư vào công ty con</i>				
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	109.203.844.000	(8.871.444.000)	-	97.795.784.000
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	20.279.504.000	(8.871.444.000)	(*)	8.871.444.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	17.987.000.000	-	(*)	17.987.000.000
	70.937.340.000	-	(*)	70.937.340.000
- <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	145.913.413.000	-	-	145.913.413.000
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Dài Loan	97.186.320.000	-	(*)	97.186.320.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	48.727.093.000	-	(*)	48.727.093.000
- <i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	34.592.500.000	-	-	34.592.500.000
Tổng Công ty Mía đường II	34.592.500.000	-	(*)	34.592.500.000
<b>Cộng</b>	<b>289.709.757.000</b>	<b>(8.871.444.000)</b>	<b>-</b>	<b>278.301.697.000</b>

Ghi chú (\*): Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**MÃU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

b) Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Quận Sơn Tây, TP. Hà Nội	1.901.343	95,07%	95,07%	Kinh doanh các sản phẩm từ đường
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.711.500	71,22%	71,22%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7.988.134	62,19%	62,19%	Sản xuất chế biến đường

Tình hình hoạt động của các Công ty con trong năm như sau: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5 lỗ, Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger và Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương lãi.

Toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương tương ứng với 1.548.000 cổ phần được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 19.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

c) Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	17,50%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong năm đều lãi.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 19.

d) Chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Là khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Mía Đường II với số lượng là 3.425.000 cổ phiếu chiếm 5% vốn điều lệ.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>180.298.975.548</b>	<b>180.298.975.548</b>	<b>235.099.170.924</b>	<b>235.099.170.924</b>
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	-	-	126.563.343.080	126.563.343.080
Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited	69.180.737.650	69.180.737.650	84.768.849.650	84.768.849.650
Công ty TNHH Phát Đại Lợi	12.090.560.000	12.090.560.000	-	-
Công ty TNHH Văn Chương	10.658.722.564	10.658.722.564	-	-
Công ty TNHH Hồng Dương	8.819.643.500	8.819.643.500	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	7.442.750.000	7.442.750.000	8.535.812.000	8.535.812.000
Các đối tượng khác	72.106.561.834	72.106.561.834	15.231.166.194	15.231.166.194
<b>b) Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>325.435.247</b>	<b>325.435.247</b>	<b>128.667.807.930</b>	<b>128.667.807.930</b>
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	-	-	126.563.343.080	126.563.343.080
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	325.435.247	325.435.247	2.104.464.850	2.104.464.850

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>274.923.812.912</b>	<b>59.920.801.064</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	228.616.973.251	39.863.850.000
Công ty TNHH Đức Lộc	23.606.125.004	-
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	9.669.265.028	-
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	4.000.000.000	-
Công ty TNHH SX TM Hải Hà	6.132.067.503	-
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	-	15.570.120.000
Các đối tượng khác	2.899.382.126	4.486.831.064
<b>a) Người mua trả tiền trước là bên liên quan</b>	<b>242.286.238.279</b>	<b>41.642.864.672</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	228.616.973.251	39.863.850.000
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	4.000.000.000	1.669.215.280
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	-	109.799.350
Chi nhánh Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	9.669.265.028	42

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>	<b>696.372.194</b>	<b>4.228.264.637</b>	<b>3.961.124.311</b>	<b>963.512.520</b>
Thuế giá trị gia tăng	69.274.870	3.341.993.480	2.963.612.610	447.655.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	104.328.601	104.328.601	-
Thuế thu nhập cá nhân	622.623.421	637.782.474	744.549.115	515.856.780
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.473.903	144.160.082	148.633.985	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>2.565.996.212</b>	<b>370.721.260</b>	<b>86.962.420</b>	<b>2.282.237.372</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.246.295.354	-	-	2.246.295.354
Thuế nhập khẩu	-	51.020.402	86.962.420	35.942.018
Thuế giá trị gia tăng	319.700.858	319.700.858	-	-

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.696.968.975</b>	<b>15.551.645.200</b>
Chi phí lãi vay phải trả khác (i)	19.700.000.000	7.200.000.000
Lãi vay dự trả	1.281.594.285	732.063.625
Phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Nhung	6.459.836.781	6.214.348.662
Phí vận chuyển	1.824.100.000	1.262.082.255
Các đối tượng khác	1.431.437.909	143.150.658
<b>Dài hạn</b>	<b>20.691.336.275</b>	<b>37.191.336.275</b>
Chi phí lãi vay phải trả khác (i)	20.691.336.275	37.191.336.275

**Ghi chú:** (i) Theo biên bản làm việc ngày 28/02/2017 giữa Tổng Công ty và Sở giao dịch Agribank. Tổng Công ty đã phân loại lại thành khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả tiền cổ tức (i)	3.529.604.016	21.647.193.500
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước khoản tiền thoái vốn nhà nước (ii)	19.148.900.305	19.148.900.305
Lãi phải trả	2.729.225.884	2.700.486.511
Kinh phí công đoàn	9.579.549	24.334.168
Bảo hiểm phải nộp	27.628.415	21.234.695
Các khoản phải trả khác	252.470.117	326.587.576
<b>Cộng</b>	<b><u>25.697.408.286</u></b>	<b><u>43.868.736.755</u></b>

Ghi chú:

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho các cổ đông theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 980/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2017.
- (ii) Khoản lãi chậm nộp quỹ tiền bán phần vốn phải nộp về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước theo Công văn số 945/ĐTKDV-TCKT ngày 26/04/2016.

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>261.574.987.093</b>	<b>261.574.987.093</b>	<b>844.639.032.006</b>	<b>814.980.408.976</b>	<b>291.233.610.123</b>	<b>291.233.610.123</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội	100.006.827.267	100.006.827.267	366.276.448.902	385.703.467.669	80.579.808.500	80.579.808.500
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Hoàn Kiếm	75.000.000.000	75.000.000.000	267.125.000.000	274.940.000.000	67.185.000.000	67.185.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	49.992.000.000	49.992.000.000	144.502.371.294	86.253.174.660	108.241.196.634	108.241.196.634
Ngân hàng Eximbank	28.812.083.280	28.812.083.280	60.851.211.810	59.860.090.101	29.803.204.989	29.803.204.989
Vay cá nhân	7.764.076.546	7.764.076.546	5.884.000.000	8.223.676.546	5.424.400.000	5.424.400.000

Chi tiết về các khoản vay, như: Giải ngân, thời hạn hoàn trả gốc, lãi vay, tài sản đảm bảo, tài sản thế chấp, lãi suất, đáo hạn, ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay được thể hiện trong từng hợp đồng vay ký giữa Tổng Công ty với tổ chức tín dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>5.666.028.508</b>	<b>42.563.263.659</b>	<b>478.720.282.167</b>
Lãi /(lỗ) trong năm	-	-	53.030.367.438	53.030.367.438
Chi trả cổ tức	-	-	(64.573.648.500)	(64.573.648.500)
Phân phối lợi nhuận		2.412.546.531	(5.790.111.674)	(3.377.565.143)
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>8.078.575.039</b>	<b>25.229.870.923</b>	<b>463.799.435.962</b>
Lãi /(lỗ) trong năm	-	-	31.905.526.090	31.905.526.090
Chi trả cổ tức (i)	-	-	(8.609.819.800)	(8.609.819.800)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	2.333.942.720	(10.417.290.985)	(8.083.348.265)
Chi khác (ii)	-	-	(104.328.601)	(104.328.601)
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>10.412.517.759</b>	<b>38.003.957.627</b>	<b>478.907.465.386</b>

**Ghi chú:**

(i) Trong năm, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận, chia cổ tức của năm 2016 trên vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 980/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2017. Chi tiết như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.333.942.720 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 3.267.519.822 VND.
- Trích thưởng vượt mức lợi nhuận: 4.815.828.443 VND.
- Chia cổ tức : 30.134.369.300 VND, trong đó giá trị chia trong năm 2016 là 21.524.549.500 VND, chia trong năm 2017 là 8.609.819.800 VND.
- Số cổ tức thực trả trong năm là 26.290.376.415 VND.

(ii) Chi khác là khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 18/09/2017 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	197.164.870.000	45,80%	219.550.400.000	51,00%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	152.328.750.000	35,38%	152.328.750.000	35,38%
Tổng Công ty Mía đường II	34.250.000.000	7,96%	34.250.000.000	7,96%
Bà Trần Thị Lệ Châm	22.801.730.000	5,30%	416.200.000	0,10%
Vốn góp của các đối tượng khác	23.945.640.000	5,56%	23.945.640.000	5,56%
<b>Cộng</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>100%</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp đầu năm	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	430.490.990.000	430.490.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	26.290.376.415	64.573.648.500

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	-	16.906.900
2. Nợ khó đòi đã xử lý	-	14.116.925.089
3. Ngoại tệ các loại		
USD	622404,2	100,00

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.426.160.894.439</b>	<b>1.278.731.974.496</b>
Doanh thu bán hàng hóa	1.260.989.269.412	1.181.713.919.352
Doanh thu cung cấp dịch vụ	165.171.625.027	97.018.055.144
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>867.888.832.225</b>	<b>228.305.590.162</b>
Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương	292.815.479.847	179.331.337.896
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	530.003.552.072	40.014.453.358
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	4.175.889.000	3.324.975.530
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	-	1.830.861.216
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	22.200.675.687	1.473.378.600
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà nội	2.174.188.000	1.353.678.800
Công ty TNHH Kim Hà Việt	16.519.047.619	976.904.762
<b>Cộng</b>	<b>1.426.160.894.439</b>	<b>1.278.731.974.496</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.426.160.894.439</b>	<b>1.278.731.974.496</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.231.889.625.405	1.123.057.832.981
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	162.484.325.817	94.317.483.441
<b>Cộng</b>	<b>1.394.373.951.222</b>	<b>1.217.375.316.422</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.140.181.918	327.706.489.967
Chi phí nhân công	11.311.638.724	45.191.215.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	819.929.381	12.346.628.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.518.115.540	331.562.977.129
Chi phí bằng tiền khác	4.371.017.863	13.306.665.252
<b>Cộng</b>	<b>67.160.883.426</b>	<b>730.113.976.772</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.288.543.953	22.394.760.300
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.715.201.000	22.666.762.400
Lãi từ chuyển nhượng vốn góp	-	15.672.875.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	54.212.353	175.879.244
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	133.923.466
<b>Cộng</b>	<b>50.057.957.306</b>	<b>61.044.200.410</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.053.157.854	12.814.471.309
Lãi chậm nộp	-	19.148.900.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.653.134	7.492.450
Chi phí tài chính khác	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.110.810.988</b>	<b>32.220.864.063</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	9.010.104.610	13.015.713.071
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	1.153.096.556	1.499.756.499
Chi phí đồ dùng văn phòng	144.418.602	599.530.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	746.219.177	1.064.787.101
Chi phí dự phòng	3.524.420.732	80.437.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.637.413.628	2.641.170.903
Chi phí bằng tiền khác	2.323.577.067	5.288.035.293
<b>Cộng</b>	<b>19.539.250.372</b>	<b>24.189.430.439</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	1.615.284.114	3.652.436.419
Chi phí vật liệu, bao bì	3.270.000	127.679.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.890.150.142	7.190.524.443
Chi phí bằng tiền khác	978.228.349	1.349.907.805
<b>Cộng</b>	<b>12.486.932.605</b>	<b>12.320.547.857</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	50.546.691	390.429.864
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhân sự	1.687.674.240	2.283.621.265
Khoản thu hộ tiền thù lao	810.008.500	1.385.433.600
Vật tư nhập kho	-	1.380.923.000
Thu nhập khác	17.052.548	388.579.031
<b>Cộng</b>	<b>2.565.281.979</b>	<b>5.828.986.760</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Khoản chi trả hộ tiền thù lao	-	1.638.693.500
Tiền phạt chậm nộp thuế	57.116.028	45.872.225
Chi phí khác	310.546.419	944.668.933
<b>Cộng</b>	<b>367.662.447</b>	<b>2.629.234.658</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.197.619.532</b>	<b>3.199.752.102</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	31.905.526.090	95.427.026.066
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(34.105.147.412)</b>	<b>(30.098.626.132)</b>
Trừ: Chi phí dự phòng điều chỉnh hồi tố	-	(7.514.149.637)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(34.715.201.000)	(22.666.762.400)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	610.053.588	82.285.905
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(2.199.621.322)</b>	<b>65.328.399.934</b>
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất ưu đãi	-	-
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất thông thường	(2.199.621.322)	65.328.399.934
Thuế suất ưu đãi	0%	0%
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.839.400.789
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>3.839.400.789</b>

Trong năm 2017, Tổng Công ty không phát sinh thu nhập chịu thuế. Ngoài chi phí không được trừ nêu trên, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Tổng Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	261.574.987.093	291.233.610.123
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(67.324.485.340)	(44.595.635.839)
Nợ thuần	194.250.501.753	246.637.974.284
Vốn chủ sở hữu	478.907.465.386	463.799.435.962
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>40.6%</b>	<b>53.2%</b>

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.324.485.340	44.595.635.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	317.053.507.604	178.204.061.791
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>384.377.992.944</b>	<b>222.799.697.630</b>

**Công nợ tài chính**

Các khoản vay	261.574.987.093	291.233.610.123
Phải trả người bán và phải trả khác	183.317.879.513	238.171.813.874
Chi phí phải trả	51.388.305.250	52.742.981.475
<b>Tổng cộng</b>	<b>496.281.171.856</b>	<b>582.148.405.472</b>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

*Rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.324.485.340	-	67.324.485.340
Phải thu khách hàng và phải thu khác	317.053.507.604	-	317.053.507.604
<b>Tổng cộng</b>	<b>384.377.992.944</b>	<b>-</b>	<b>384.377.992.944</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	261.574.987.093	-	261.574.987.093
Phải trả người bán và phải trả khác	183.317.879.513	-	183.317.879.513
Chi phí phải trả	30.696.968.975	20.691.336.275	51.388.305.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>475.589.835.581</b>	<b>20.691.336.275</b>	<b>496.281.171.856</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(91.211.842.637)</b>	<b>(20.691.336.275)</b>	<b>(111.903.178.912)</b>

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.595.635.839	-	44.595.635.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	178.204.061.791	-	178.204.061.791
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>222.799.697.630</b>	<b>-</b>	<b>222.799.697.630</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	291.233.610.123	-	291.233.610.123
Phải trả người bán và phải trả khác	238.171.813.874	-	238.171.813.874
Chi phí phải trả	15.551.645.200	37.191.336.275	52.742.981.475
<b>Tổng cộng</b>	<b>544.957.069.197</b>	<b>37.191.336.275</b>	<b>582.148.405.472</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(322.157.371.567)</b>	<b>(37.191.336.275)</b>	<b>(359.348.707.842)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh số liệu theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 18/09/2017 của Cục thuế thành phố Hà Nội, một số số liệu đã được điều chỉnh hồi tố như sau:



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiên  
Người lập

